

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHẤT LƯỢNG CAO VỚI HỌC PHÍ TƯƠNG ỨNG
NHÓM NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN – KHÓA TUYỂN 2013

1. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc chung của nội dung chương trình đào tạo được trình bày trong bảng dưới đây:

KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
KIẾN THỨC BẮT BUỘC	≥ 103	
Kiến thức giáo dục đại cương	60	
Kiến thức cơ sở	23	
Kiến thức chuyên nghiệp	≥ 20	
KIẾN THỨC TỰ CHỌN	≥ 30	
HỌC PHẦN TỐT NGHIỆP	10	
TỔNG CỘNG	≥ 143	

2. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

Tổng cộng **60** tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng), bao gồm các khối kiến thức Tin học, Toán, Vật lý, Khoa học xã hội và nhân văn.

2.1.1 Kiến thức Tin học

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	Loại
1	CTT003	Nhập môn lập trình	4	45	30	BB
2	CTT005	Lý thuyết đồ thị	4	45	30	BB
3	CTT006	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	45	30	BB
4	CTT008	Kỹ thuật lập trình	4	45	30	BB
5	CTT009	Nhập môn Công nghệ thông tin 1	3	30	45	BB
6	CTT010	Nhập môn Công nghệ thông tin 2	3	30	45	BB
7	CTT011	Nhập môn VHDN NB	2	30	0	BB
TỔNG CỘNG			24			

2.1.2 Kiến thức Toán

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	Loại
1	TTH003	Đại số B1	3	45	0	BB
2	TTH026	Giải tích B1	3	45	0	BB
3	TTH027	Giải tích B2	3	45	0	BB
4	TTH043	Xác suất thống kê B	3	45	0	BB
5	TTH063	Toán rời rạc	4	60	0	BB
TỔNG CỘNG			16			

2.1.3. Kiến thức Vật lý

Chọn 8 tín chỉ trong các học phần sau, nên chọn các học phần cùng loại (DTV001 + DTV091, DTV012 + DTV092, VLH023 hoặc môn Internet of things).

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	Loại
1	DTV001	Điện tử căn bản	3	45	0	TC
2	DTV091	Thực hành Điện tử căn bản	1	0	30	TC
3	VLH023	Điện tử + Quang - Lượng tử - Nguyên tử	4	60	0	TC
4	DTV012	Lý thuyết mạch số	3	45	0	TC
5	DTV092	Thực hành mạch số	1	0	30	TC
6		Internet of things	4			TC
TỔNG CỘNG			8			

2.1.4. Lý luận Triết học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	Loại
1	CTH001	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin	5	75	0	BB
2	CTH002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	45	0	BB
3	CTH003	Tư tưởng HCM	2	30	0	BB
TỔNG CỘNG			10			

2.1.5. Kinh tế - xã hội

Chọn một trong các học phần sau:

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	Loại
1	KTH001	Kinh tế đại cương	2	30	0	TC
2	XHH001	Tâm lý đại cương	2	30	0	TC

3	XHH002	Logic học	2	30	0	TC
TỔNG CỘNG			2			

2.1.6. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	Loại
1	TCH001	Thể dục 1	2	15	30	BB
2	TCH002	Thể dục 2	2	15	30	BB
3	QPH010	Giáo dục quốc phòng	4			BB
TỔNG CỘNG			8			

2.2 KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

Khối kiến thức này tổng cộng **83** tín chỉ, bao gồm: kiến thức cơ sở nhóm ngành công nghệ thông tin, kiến thức chuyên nghiệp phân bắt buộc và phân tự chọn (kiến thức ngành/ chuyên ngành/ liên ngành), và kiến thức của học phần tốt nghiệp.

2.2.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành công nghệ thông tin

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	Loại
1	CTT101	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	45	30	BB
2	CTT102	Cơ sở dữ liệu	4	45	30	BB
3	CTT103	Hệ điều hành	4	45	30	BB
4	CTT104	Kiến trúc máy tính và hợp ngữ	4	45	30	BB
5	CTT105	Mạng máy tính	4	45	30	BB
6	CTT123	Kỹ năng mềm	3	30	45	BB
TỔNG CỘNG			23			

2.2.2 Kiến thức chuyên nghiệp bắt buộc

Sinh viên chọn tối thiểu 5 học phần trong các học phần sau đây để tích lũy tối thiểu 20 tín chỉ bắt buộc. Ngoài 20 tín chỉ bắt buộc phải học, sinh viên có thể chọn các học phần sau như là các học phần tự chọn.

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	Loại
1	CTT203	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	4	45	30	TC
2	CTT204	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	4	45	30	TC
3	CTT501	Lập trình Windows	4	45	30	TC
4	CTT502	Nhập môn công nghệ phần mềm	4	45	30	TC
5	CTT504	Phân tích và thiết kế phần mềm	4	45	30	TC
6	CTT303	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	4	45	30	TC
7	CTT406	Thống kê máy tính và ứng dụng	4	45	30	TC
8	CTT310	Xử lý ảnh số và video số	4	45	30	TC
9	CTT603	Lập trình mạng	4	45	30	TC
TỔNG CỘNG			20			

2.2.2. Kiến thức chuyên nghiệp tự chọn

Sinh viên tự chọn tối thiểu 30 tín chỉ trong danh sách học phần thuộc khối kiến thức ngành hay chuyên ngành của chương trình giáo dục đại học hệ chính quy làm học phần tự chọn theo ngành/ chuyên ngành/ liên ngành của bản thân và sự tư vấn của giảng viên hướng dẫn:

- Mục 7.2.2 của chương trình giáo dục đại học ngành Công nghệ thông tin, khóa tuyển 2012.
- Mục 7.2.2 của chương trình giáo dục đại học ngành Khoa học Máy tính, khóa tuyển 2012.
- Mục 7.2.2 của chương trình giáo dục đại học ngành Kỹ thuật Phần mềm, khóa tuyển 2012.
- Mục 7.2.2 của chương trình giáo dục đại học ngành Hệ thống Thông tin, khóa tuyển 2012.
- Mục 7.2.2 của chương trình giáo dục đại học ngành Mạng máy tính và Viễn thông, khóa tuyển 2012.

(tham khảo chương trình giáo dục đại học hệ chính quy tại:

)

- Lưu ý: Học phần *CTT124 - Kiến tập nghề nghiệp* trong chương trình Chất lượng cao được triển khai theo thời lượng 4 tín chỉ thay vì 2 tín chỉ như trong chương trình chính quy.

2.2.3. Kiến thức tốt nghiệp

Sinh viên Chương trình Chất lượng cao phải tích lũy 10 tín chỉ kiến thức tốt nghiệp bằng hình thức làm khóa luận tốt nghiệp.

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	Loại
1	CTT991	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	300	BB
TỔNG CỘNG			10			

3. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Tích lũy đủ ít nhất 143 tín chỉ của khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp cùng với khối kiến thức tốt nghiệp như đã mô tả trong ở mục 2.
- Đã hoàn tất các học phần giáo dục thể chất.
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng.
- Có chứng chỉ ngoại ngữ từ các mức sau đây trở lên: TOEFL ITP 550, TOEFL iBT 79, IELTS 6.0.
- Đóng đầy đủ học phí theo quy định.
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20
TRƯỜNG KHOA CNTT

TRẦN ĐAN THU